

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2006/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2006

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cho thuê tài chính và dịch vụ ủy thác cho thuê tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ

Căn cứ Điều 42 Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính, Điều 3 Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về hoạt động cho thuê tài chính và dịch vụ ủy thác cho thuê tài chính theo quy định tại các Nghị định này như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH

1. Công ty cho thuê tài chính thực hiện cho thuê tài chính đối với bên thuê tài chính là các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi là bên thuê) có nhu cầu thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác để thực hiện các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư phục vụ đời sống ở trong nước.

Thông tư này không hướng dẫn các công ty cho thuê tài chính thực hiện hoạt động cho thuê tài chính ra nước ngoài.

2. Điều kiện cho thuê tài chính

2.1. Công ty cho thuê tài chính phải được thành lập và thực hiện hoạt động cho thuê tài chính theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

2.2. Bên thuê phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật:

- Đối với bên thuê là tổ chức và cá nhân Việt Nam: Tổ chức phải có năng lực pháp luật dân sự; cá nhân, chủ doanh nghiệp tư nhân, đại diện của hộ gia đình, đại diện của tổ hợp tác phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự.

- Đối với bên thuê là tổ chức và cá nhân nước ngoài: Tổ chức phải có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cá nhân phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có quy định khác. Căn cứ áp dụng pháp luật đối với tổ chức và cá nhân này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.

b) Có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư phục vụ đời sống khả thi, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật và sử dụng tài sản thuê để thực hiện dự án đó.

c) Có khả năng tài chính đảm bảo thanh toán tiền thuê trong thời hạn thuê đã cam kết.

2.3. Giao dịch cho thuê tài chính phải thỏa mãn điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Đồng tiền sử dụng trong các giao dịch cho thuê tài chính

Công ty cho thuê tài chính thực hiện các giao dịch cho thuê tài chính bằng đồng Việt Nam. Trường hợp giao dịch cho thuê tài chính thực hiện bằng ngoại tệ, thì công ty cho thuê tài chính và bên thuê thực hiện theo các quy định của pháp luật về ngoại hối và hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Giao dịch cho thuê tài chính thực hiện bằng ngoại tệ

4.1. Giao dịch cho thuê tài chính thực hiện bằng ngoại tệ là việc công ty cho thuê tài chính cho bên thuê thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác mà công ty cho thuê tài chính nhập khẩu theo hợp đồng cho thuê tài chính với bên thuê; bên thuê nhận nợ và thanh toán tiền thuê tài chính bằng ngoại tệ.

4.2. Ngoài các điều kiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Thông tư này, giao dịch cho thuê tài chính thực hiện bằng ngoại tệ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đối với công ty cho thuê tài chính: Đã đăng ký hoạt động cho thuê tài chính bằng ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

b) Đối với bên thuê:

- Sử dụng tài sản thuê để phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Có nguồn thu bằng ngoại tệ hợp pháp hoặc được mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối để thanh toán tiền thuê tài chính.

5. Tiền thuê tài chính và các khoản chi phí liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính

5.1. Tiền thuê tài chính bao gồm:

a) Nợ gốc được xác định trên cơ sở giá mua các tài sản cho thuê và các chi phí hợp lý liên quan đến việc mua tài sản đó;

b) Nợ lãi được xác định trên cơ sở dư nợ gốc, lãi suất và thời hạn thuê tài chính.

5.2. Các chi phí khác liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính mà bên thuê phải trả cho công ty cho thuê tài chính do công ty cho thuê tài chính và bên thuê thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Lãi suất cho thuê tài chính

6.1. Mức lãi suất cho thuê tài chính do công ty cho thuê tài chính thỏa thuận với bên thuê trong hợp đồng cho thuê tài chính.

6.2. Mức lãi suất áp dụng đối với các khoản nợ gốc tiền thuê tài chính quá thời hạn trả nợ do công ty cho thuê tài chính thỏa thuận với bên thuê trong hợp đồng cho thuê tài chính, nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho thuê tài chính áp dụng trong thời hạn cho thuê tài chính đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng cho thuê tài chính.

7. Thời hạn và kỳ hạn cho thuê tài chính

7.1. Thời hạn cho thuê tài chính là khoảng thời gian tính từ thời điểm bên thuê nhận nợ tiền thuê tài chính cho đến khi trả hết nợ tiền thuê đã được thỏa thuận ghi trong hợp đồng cho thuê tài chính. Thời điểm nhận nợ tiền thuê tài chính do công ty cho thuê tài chính thỏa thuận với bên thuê.

Công ty cho thuê tài chính và bên thuê căn cứ chu kỳ sản xuất, kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của dự án đầu tư, khả năng thanh toán tiền thuê của bên thuê để thỏa thuận thời hạn cho thuê tài chính. Đối với tổ chức Việt Nam và nước ngoài, thời hạn cho thuê tài chính không quá thời hạn hoạt động còn lại theo quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động tại Việt Nam; đối với cá nhân nước ngoài, thời hạn cho thuê tài chính không vượt quá thời hạn được phép sinh sống và làm việc tại Việt Nam.

7.2. Kỳ hạn cho thuê tài chính là các khoảng thời gian trong thời hạn cho thuê tài chính đã được thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính, mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó bên thuê phải trả một phần hoặc toàn bộ số tiền thuê tài chính cho công ty cho thuê tài chính.

7.3. Công ty cho thuê tài chính và bên thuê thỏa thuận về việc trả nợ gốc và nợ lãi tiền thuê tài chính như sau:

- a) Các kỳ hạn trả nợ gốc;
- b) Các kỳ hạn trả nợ lãi cùng với kỳ hạn trả nợ gốc hoặc theo kỳ hạn riêng.

8. Thẩm định và quyết định cho thuê tài chính

8.1. Công ty cho thuê tài chính xem xét quyết định cho thuê tài chính đối với bên thuê trên cơ sở đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư phục vụ đời sống, các điều kiện về cho thuê tài chính và khả năng trả nợ của bên thuê.

8.2. Công ty cho thuê tài chính phải xây dựng quy trình thẩm định, xét duyệt cho thuê tài chính theo nguyên tắc phân định rõ trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cho thuê tài chính, trách nhiệm của các cá nhân có liên quan.

9. Hồ sơ cho thuê tài chính

9.1. Giấy đề nghị thuê tài chính của bên thuê, trong đó ghi cụ thể tên tài sản thuê kèm theo các tài liệu chứng minh đủ điều kiện thuê tài chính.

9.2. Công ty cho thuê tài chính hướng dẫn các loại tài liệu mà bên thuê cần gửi cho công ty cho thuê tài chính phù hợp với quy định của pháp luật về hoạt động cho thuê tài chính và đặc điểm hoạt động của công ty cho thuê tài chính.

9.3. Bên thuê phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của các tài liệu gửi cho công ty cho thuê tài chính.

10. Hợp đồng cho thuê tài chính

09693760
845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
Soft * 4-8

10.1. Hợp đồng cho thuê tài chính là thỏa thuận giữa công ty cho thuê tài chính và bên thuê về việc cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật về hoạt động cho thuê tài chính, hướng dẫn của Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

10.2. Hợp đồng cho thuê tài chính phải được lập thành văn bản phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự và phải có các nội dung chủ yếu: Tên, địa chỉ của công ty cho thuê tài chính và bên thuê; điều kiện cho thuê; tên, chủng loại và chất lượng của tài sản cho thuê; mục đích sử dụng tài sản thuê; tiền gốc và lãi suất thuê tài chính, các chi phí khác; thời điểm nhận nợ và thời hạn cho thuê tài chính; kỳ hạn và thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính; quyền và nghĩa vụ của các bên, xử lý trường hợp hợp đồng cho thuê chấm dứt trước hạn. Các nội dung khác của hợp đồng cho thuê tài chính do công ty cho thuê tài chính và bên thuê thỏa thuận.

11. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn

11.1. Công ty cho thuê tài chính thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính đối với bên thuê theo một trong hai phương thức sau đây:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc công ty cho thuê tài chính chấp thuận thay đổi kỳ hạn trả nợ tiền thuê tài chính, nhưng không vượt quá thời hạn cho thuê tài chính đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng cho thuê tài chính.

b) Gia hạn nợ là việc công ty cho thuê tài chính chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ tiền thuê tài chính vượt quá thời hạn cho thuê đã thỏa thuận trước đó trong hợp đồng cho thuê tài chính.

11.2. Công ty cho thuê tài chính thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính đối với bên thuê như sau:

a) Công ty cho thuê tài chính quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính theo đề nghị của bên thuê và trên cơ sở khả năng tài chính của mình, kết quả đánh giá khả năng trả nợ của bên thuê đối với các trường hợp:

- Bên thuê không có khả năng trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền thuê tài chính đúng kỳ hạn trả nợ trong phạm vi thời hạn cho thuê đã thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính và được công ty cho thuê tài chính đánh giá là có khả năng trả nợ trong các kỳ hạn tiếp theo, thì công ty cho thuê tài chính xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền thuê tài chính.

- Bên thuê không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền thuê tài chính đúng thời hạn cho thuê đã thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính và được công ty

cho thuê tài chính đánh giá là có khả năng trả nợ trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho thuê, thì công ty cho thuê tài chính xem xét cho gia hạn thời hạn cho thuê phù hợp với khả năng trả nợ của bên thuê.

b) Công ty cho thuê tài chính ban hành Quy trình về cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính phù hợp với hướng dẫn của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan về hoạt động cho thuê tài chính, gửi cho Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chậm nhất sau 05 ngày, kể từ ngày ban hành.

11.3. Công ty cho thuê tài chính thực hiện việc chuyển nợ quá hạn tiền thuê tài chính đối với bên thuê như sau:

Bên thuê không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền thuê tài chính đúng thời hạn cho thuê đã thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính và được công ty cho thuê tài chính đánh giá là không có khả năng trả nợ trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho thuê, không chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê tài chính, thì số dư nợ gốc của hợp đồng cho thuê tài chính đó là nợ quá hạn.

12. Giảm lãi tiền thuê tài chính

12.1. Công ty cho thuê tài chính được xem xét, quyết định giảm lãi tiền thuê tài chính cho bên thuê theo nguyên tắc sau đây:

a) Bên thuê bị tổn thất về tài sản dẫn đến bị khó khăn về tài chính, không có khả năng trả lãi tiền thuê tài chính.

b) Mức độ giảm lãi tiền thuê tài chính phù hợp với khả năng tài chính của công ty cho thuê tài chính.

c) Không được giảm lãi tiền thuê tài chính đối với bên thuê là các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Các tổ chức tín dụng.

12.2. Công ty cho thuê tài chính phải ban hành Quy chế giảm lãi tiền thuê tài chính đối với bên thuê. Quy chế giảm lãi tiền thuê tài chính do Hội đồng quản trị của công ty phê duyệt theo các nguyên tắc tại điểm 12.1 khoản này; đối với công ty cho thuê tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng, thì do Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng đó phê duyệt. Việc giảm lãi tiền thuê tài chính đối với bên thuê chỉ được thực hiện sau khi Quy chế giảm lãi tiền thuê tài chính được ban hành.

13. Kiểm tra, giám sát đối với hoạt động cho thuê tài chính

13.1. Công ty cho thuê tài chính có trách nhiệm và có quyền kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng tài sản thuê và trả nợ tiền thuê tài chính của bên thuê.

13.2. Công ty cho thuê tài chính xây dựng quy trình và thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình thuê tài sản, sử dụng tài sản thuê và trả nợ của bên thuê phù hợp với đặc điểm hoạt động của mình.

14. Công ty cho thuê tài chính thực hiện việc phân loại, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đối với số tiền cho thuê tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

15. Công ty cho thuê tài chính thực hiện việc báo cáo thống kê đối với hoạt động cho thuê tài chính theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng.

II. DỊCH VỤ ỦY THÁC CHO THUÊ TÀI CHÍNH

16. Dịch vụ ủy thác cho thuê tài chính là việc công ty cho thuê tài chính thực hiện cho thuê tài chính theo ủy thác của bên ủy thác.

17. Bên ủy thác và bên nhận ủy thác cho thuê tài chính

17.1. Bên ủy thác cho thuê tài chính bao gồm:

- a) Công ty cho thuê tài chính;
- b) Tổ chức, cá nhân Việt Nam;
- c) Tổ chức, cá nhân nước ngoài.

17.2. Bên nhận ủy thác cho thuê tài chính là công ty cho thuê tài chính được phép thành lập và hoạt động cho thuê tài chính tại Việt Nam theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

18. Các phương thức ủy thác cho thuê tài chính

Bên nhận ủy thác được thực hiện dịch vụ ủy thác cho thuê tài chính theo một trong hai phương thức sau đây:

18.1. Nhận ủy thác bằng tài sản của bên ủy thác để cho thuê tài chính đối với bên thuê.

18.2. Nhận ủy thác bằng tiền của bên ủy thác để mua máy móc, thiết bị và các động sản khác cho thuê tài chính đối với bên thuê.

18.3. Dịch vụ ủy thác khác liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính: Bên nhận

ủy thác thực hiện một hoặc một số nghiệp vụ của hoạt động cho thuê tài chính theo thỏa thuận với bên ủy thác.

19. Nguyên tắc ủy thác và nhận ủy thác

19.1. Việc ủy thác và nhận ủy thác cho thuê tài chính được thực hiện theo thỏa thuận giữa bên ủy thác và bên nhận ủy thác trong hợp đồng ủy thác cho thuê tài chính.

19.2. Điều kiện cho thuê, tiền thuê, lãi suất cho thuê, cơ cấu lại thời hạn trả nợ tiền thuê, xử lý rủi ro và các nghiệp vụ khác liên quan đến hoạt động cho thuê tài chính do bên ủy thác và bên nhận ủy thác thỏa thuận phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

19.3. Hoạt động cho thuê tài chính phải được thực hiện qua các công ty cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật về hoạt động cho thuê tài chính và hướng dẫn tại Mục I Thông tư này.

20. Phí ủy thác và các khoản hưởng lợi phát sinh từ hợp đồng ủy thác

Bên nhận ủy thác hưởng phí ủy thác và các khoản hưởng lợi khác phát sinh từ hợp đồng ủy thác theo thỏa thuận với bên ủy thác.

21. Hợp đồng ủy thác

Hợp đồng ủy thác cho thuê tài chính có các nội dung chủ yếu như sau: Tên, địa chỉ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác, tài sản ủy thác cho thuê tài chính, số tiền và thời hạn cho thuê tài chính đối với bên thuê, quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác. Các nội dung khác của hợp đồng ủy thác cho thuê tài chính do bên ủy thác và bên nhận ủy thác thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

22. Xử lý rủi ro ủy thác và nhận ủy thác

22.1. Bên nhận ủy thác chịu trách nhiệm xử lý những rủi ro phát sinh do vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động cho thuê tài chính, các thỏa thuận với bên ủy thác ghi trong hợp đồng ủy thác. Đối với những rủi ro phát sinh ngoài nguyên nhân này do bên ủy thác chịu trách nhiệm xử lý.

22.2. Bên ủy thác và bên nhận ủy thác thực hiện việc xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật hiện hành.

23. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận ủy thác

23.1. Bên nhận ủy thác có quyền sau đây:

a) Từ chối các yêu cầu của bên ủy thác trái với những thỏa thuận ghi trong hợp đồng ủy thác cho thuê tài chính.

b) Khởi kiện bên ủy thác vi phạm hợp đồng ủy thác cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật.

23.2. Bên nhận ủy thác có nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực cho bên ủy thác về những thông tin liên quan đến bên thuê và tài sản cho thuê, khả năng tài chính và khả năng trả nợ của bên thuê, các thông tin và tài liệu khác liên quan đến dịch vụ ủy thác cho thuê tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

b) Sử dụng tài sản để cho thuê tài chính đối với bên thuê theo đúng các nội dung đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng ủy thác và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Hoàn trả đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi tiền thuê tài chính cho bên ủy thác theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng ủy thác.

24. Quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác

24.1. Bên ủy thác có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu bên nhận ủy thác cung cấp thông tin liên quan đến bên thuê và tài sản cho thuê, khả năng tài chính và khả năng trả nợ của bên thuê, các thông tin và tài liệu khác liên quan đến dịch vụ ủy thác cho thuê tài chính.

b) Từ chối yêu cầu của bên nhận ủy thác không phù hợp với các quy định của pháp luật, hoặc trái với những thỏa thuận ghi trong hợp đồng ủy thác cho thuê tài chính.

c) Kiểm tra, giám sát quá trình hoạt động cho thuê tài chính của bên nhận ủy thác đối với bên thuê và việc thực hiện cam kết trả nợ tiền thuê tài chính của bên nhận ủy thác đối với bên ủy thác.

d) Khởi kiện bên nhận ủy thác vi phạm hợp đồng ủy thác cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật.

24.2. Bên ủy thác có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện đúng thỏa thuận ghi trong hợp đồng ủy thác cho thuê tài chính.

b) Chuyển tài sản cho thuê hoặc tiền để mua tài sản cho thuê theo đúng thời hạn đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng ủy thác.

- c) Chi trả phí ủy thác đầy đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận với bên nhận ủy thác.
- d) Phối hợp với bên nhận ủy thác trong việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với số tiền cho thuê tài chính theo hợp đồng ủy thác.

III. TÓ CHỨC THỰC HIỆN

25. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày kể từ ngày đăng Công báo. Các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành: Thông tư số 03/2005/TT-NHNN ngày 25/5/2005 hướng dẫn các công ty cho thuê tài chính thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn đối với hoạt động cho thuê tài chính; công văn số 1358/NHNN-CSTT ngày 25/11/2004 về việc giảm tiền lãi thuê tài chính và công văn số 18/NHNN-CSTT ngày 7/01/2003 về việc hướng dẫn giao dịch cho thuê tài chính được thực hiện bằng ngoại tệ.

26. Công ty cho thuê tài chính căn cứ Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan, ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cụ thể phù hợp với điều kiện, đặc điểm và điều lệ của mình.

27. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) các công ty cho thuê tài chính có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Nguyễn Đồng Tiến